

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-3-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Dung và bà Đinh Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1976

Địa chỉ: Bản L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai

Có mặt.

Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Bản L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 26/12/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Văn N trình bày:

Anh và chị Phạm Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/11/1995 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc một thời gian thì có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống làm ăn kinh tế không có sự bàn bạc, chị H thay đổi cách sống mê tín dị đoan nghe theo lời thầy bói mặc dù anh góp ý nhiều lần nhưng chị không nghe. Sự việc xảy ra gia đình hai bên đã khuyên bảo hoà giải nhưng không có kết quả, hai vợ chồng việc ai người đó làm từ năm 2018 không quan tâm đến nhau. Nay mâu thuẫn trở nên trầm trọng, anh N không còn tình cảm gì với chị H nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H.

Về con chung, anh N và chị H có ba con chung là Lê Thị N sinh ngày 29/01/1996, Lê Thị V sinh ngày 14/9/2000 và Lê Văn N sinh ngày 19/7/2010. Cháu N và cháu V đã trưởng thành trên 18 tuổi, còn cháu N hiện đang sống cùng

anh. Anh N đề nghị giải quyết cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Phạm Thị H, lời khai ngày 08/02/2023 chị H thừa nhận cuộc sống chung của chị với anh N có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân do việc làm ăn kinh tế gia đình, vay mượn tiền mua xe không thống nhất quan điểm dẫn đến cãi chửi nhau, từ năm 2021 anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm nhau, đến nay anh N xin ly hôn thì chị nhất trí. Tuy nhiên về con chung chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cháu Lê Văn N và yêu cầu anh N pH cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 5 triệu đồng. Ngoài ra tài sản chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Toà án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Đối với vụ án này, Toà án đã hỏi ý kiến cháu Lê Văn N và cháu có nguyện vọng ở với bố, tại phiên hoà giải ngày 13/02/2023 anh N và chị H nhất trí ly hôn nhưng không thoả thuận được về con chung. Tại phiên toà hôm nay anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị H thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn vì chị không có lỗi gì, trường hợp anh N cương quyết ly hôn thì chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyên và đề nghị anh N phải chia tài sản chung gồm: 05 xe ô tô, 03 xe máy, nhà cửa, ruộng vườn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử cho anh Lê Văn N ly hôn chị Phạm Thị H. Về con chung, xử giao cháu Lê Văn Nguyên cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và chị H không pH cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí, anh N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Đối với yêu cầu chia tài sản của chị H, chị có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Anh Lê Văn N có đơn yêu cầu giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với chị Phạm Thị H. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh N: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì anh N và chị H có đăng ký kết hôn ngày 12/11/1995 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh N cho rằng quá trình chung sống với nhau anh chị đã xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về làm ăn kinh tế dẫn đến cãi vã nhau, ngoài ra còn do chị H thay đổi tính nết mê tín dị đoan nghe theo lời thầy bói, anh đã góp ý nhưng chị không thay đổi nên anh chị đã sống ly thân việc ai người đó làm

hiều năm nay. Chị H cũng thừa nhận cuộc sống có mâu thuẫn về kinh tế liên quan tới vay tiền đổi màu xe ô tô dẫn đến cãi nhau và anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2021 đến nay, ngoài ra chị thừa nhận có làm công việc liên quan tới tín ngưỡng nhưng đã được sự đồng ý của anh N. Mặc dù chị H không đồng ý ly hôn vì cho rằng chị không có lỗi gì, tuy nhiên anh chị đều thừa nhận cuộc sống chung có mâu thuẫn và đã sống ly thân được một thời gian là đúng sự thật. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, anh chị đã không còn thương yêu, tôn trọng nhau nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N, xử cho anh N ly hôn chị H.

[3]. Trong thời gian chung sống anh N và chị H có ba con chung là Lê Thị Nguyệt sinh ngày 29/01/1996, Lê Thị Vui sinh ngày 14/9/2000 và Lê Văn Nguyên sinh ngày 19/7/2010, hiện còn cháu N chưa đủ 18 tuổi đang ở cùng anh N. Quá trình giải quyết vụ án hai anh chị đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy hiện anh N kinh doanh vận tải hành khách, còn chị H là lao động tự do nên anh chị đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung như nhau. Tòa án đã hai lần hỏi ý kiến của cháu N và cháu đều có nguyện vọng muốn ở với bố. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N, xử cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, do anh N không yêu cầu nên chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4]. Tại phiên tòa anh N không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung và công nợ chung, chị H đề nghị nếu anh N ly hôn thì phải chia tài sản chung cho ba người, tài sản gồm 05 xe ô tô, 03 xe máy, nhà cửa, ruộng vườn. Đối với yêu cầu của chị H do phát sinh sau thời điểm có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong vụ án khác.

[5]. Về án phí: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho anh Lê Văn N ly hôn chị Phạm Thị H.

2/ Về con chung, xử giao cháu Lê Văn N sinh ngày 19/7/2010 cho anh Lê Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Anh Lê Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0001558 ngày 26/12/2022.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- UBND xã Bảo Hà;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Thị Giang Thanh

